

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HOÀ GIẢI THÀNH TẠI TOÀ ÁN**

Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34 và 35 Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;
Căn cứ vào khoản 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận kết quả hoà giải tại Toà án ngày 02 tháng 08 năm 2022 và yêu cầu công nhận kết quả hoà giải của các bên tham gia hoà giải.

XÉT THẤY:

Các bên tham gia hoà giải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung và nội dung thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, các nhân khác.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà án nhận được biên bản ghi nhận kết quả hoà giải và các tài liệu kèm theo, các bên không có sự thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hoà giải thành tại Toà án giữa các bên:

Người khởi kiện: Anh Trần Quang K, sinh năm 1982; Cư trú tại: Khóm 2, phường HP, thị xã GR, tỉnh BL.

Người bị kiện: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; Cư trú tại: Ấp 10A, xã TP, thị xã GR, tỉnh BL.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang K và chị Nguyễn Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh K và chị T thống nhất giao người con chung tên Trần Quang K1 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

+ Anh Trần Quang K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

+ Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

+ Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

LÊ YẾN NGỌC